

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh**

Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 5 tháng 7 năm 2012.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
Bà Lê Minh Hồng	Thành viên
Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Lê Minh Hồng	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2012)
Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2012)
Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 3 năm 2012)
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2012)

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Quốc Hưng	Trưởng ban (từ ngày 26 tháng 4 năm 2012)
Bà Trần Thị Ánh Thu	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2012)
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2012)
Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2012)

**Trụ sở đăng ký**

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Le Chanh Dao  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2013



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 49. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số. 12-01-219



Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.817.659.554.913</b>	<b>1.490.691.786.181</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>718.975.317.797</b>	<b>467.084.218.098</b>
Tiền	111		179.126.910.532	343.614.925.745
Các khoản tương đương tiền	112		539.848.407.265	123.469.292.353
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>574.318.472.865</b>	<b>489.939.062.124</b>
Phải thu khách hàng	131		449.467.053.831	340.585.766.770
Trả trước cho người bán	132		84.260.939.798	79.032.748.156
Các khoản phải thu khác	135		46.319.680.651	73.173.069.305
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(5.729.201.415)	(2.852.522.107)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>511.841.369.741</b>	<b>515.191.425.774</b>
Hàng tồn kho	141		517.869.958.874	519.861.087.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.028.589.133)	(4.669.661.795)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.524.394.510</b>	<b>18.477.080.185</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		819.469.001	1.431.601.904
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.876.949.889	4.301.209.672
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	7	1.882.551.193	4.108.142.811
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.945.424.427	8.636.125.798

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>560.605.090.482</b>	<b>505.014.880.878</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>517.134.916.078</b>	<b>459.454.490.641</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	279.742.292.179	255.330.772.673
<i>Nguyên giá</i>	222		522.619.957.611	443.230.788.716
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(242.877.665.432)	(187.900.016.043)
Tài sản cố định vô hình	227	9	167.001.188.865	157.377.310.396
<i>Nguyên giá</i>	228		174.923.643.193	163.249.725.488
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.922.454.328)	(5.872.415.092)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	70.391.435.034	46.746.407.572
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>16.651.442.265</b>	<b>17.473.451.017</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		9.334.273.514	10.086.282.266
Đầu tư dài hạn khác	258		11.831.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.818.732.139</b>	<b>28.086.939.220</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	19.347.501.172	20.446.170.185
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29	5.840.892.665	5.509.693.831
Tài sản dài hạn khác	268		1.630.338.302	2.131.075.204
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.378.264.645.395</b>	<b>1.995.706.667.059</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>674.795.265.880</b>	<b>602.248.423.265</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>653.532.156.155</b>	<b>544.024.124.947</b>
Vay ngắn hạn	311	13	19.484.808.997	21.115.601.324
Phải trả người bán	312	14	73.733.794.359	123.618.564.257
Người mua trả tiền trước	313		1.236.669.394	720.929.252
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	33.519.701.311	28.297.625.312
Phải trả người lao động	315		157.300.094.036	125.958.570.389
Chi phí phải trả	316	16	242.014.199.700	165.931.042.238
Các khoản phải trả khác	319		63.583.567.645	33.834.092.563
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	62.659.320.713	44.547.699.612
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.263.109.725</b>	<b>58.224.298.318</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	-	33.818.985.521
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	19	21.263.109.725	24.405.312.797
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.687.719.251.266</b>	<b>1.381.546.863.475</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.687.719.251.266</b>	<b>1.381.546.863.475</b>
Vốn cổ phần	411	21	653.764.290.000	651.764.290.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		491.137.167.263	286.384.048.884
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.762.044.635	66.541.621.663
Lợi nhuận chưa phân phối	420		476.511.599.368	377.312.752.928
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>15.750.128.249</b>	<b>11.911.380.319</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>2.378.264.645.395</b>	<b>1.995.706.667.059</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ bao gồm trong tiền		
USD	109.684	271.766
EUR	131.696	182.918
MOP	20	20
CNY	3.515	3.515
CAD	100	100
JPY	-	22.000
BTH	-	31.592

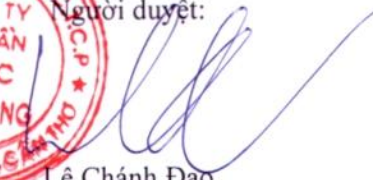
Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

ngày 15 tháng 3 năm 2013

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>2.949.286.471.548</b>	<b>2.510.825.145.928</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>(18.209.979.100)</b>	<b>(19.945.210.196)</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>2.931.076.492.448</b>	<b>2.490.879.935.732</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>(1.487.277.836.618)</b>	<b>(1.282.117.010.705)</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.443.798.655.830</b>	<b>1.208.762.925.027</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	42.177.420.081	48.895.136.206
Chi phí tài chính	22	26	(4.453.033.603)	(7.182.687.737)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(2.611.607.290)</i>	<i>(2.038.850.925)</i>
Chi phí bán hàng	24		(709.601.447.810)	(558.862.870.510)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(218.227.172.727)	(185.188.217.125)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)</b>	<b>30</b>		<b>553.694.421.771</b>	<b>506.424.285.861</b>
Thu nhập khác	31	27	39.624.828.016	9.934.185.563
Chi phí khác	32	28	(8.344.134.782)	(15.391.090.405)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>31.280.693.234</b>	<b>(5.456.904.842)</b>
<b>Lỗ từ công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>11</b>	<b>(187.558.752)</b>	<b>(10.025.671.093)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>584.787.556.253</b>	<b>490.941.709.926</b>

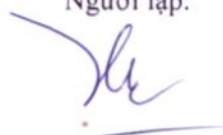
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		584.787.556.253	490.941.709.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(93.825.954.079)	(72.903.779.886)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	331.198.834	1.724.228.543
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		491.292.801.008	419.762.158.583
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông thiểu số	61	22	5.371.014.333	4.235.578.682
Chủ sở hữu của Công ty	62		485.921.786.675	415.526.579.901
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	7.443	6.382

Người lập:

  
 Đặng Phạm Huyền Nhung  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

  
 Lê Chánh Đạo  
 Phó Tổng Giám đốc

ngày 15 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>584.787.556.253</b>	<b>490.941.709.926</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		66.767.681.623	53.597.351.298
Các khoản dự phòng	03		4.235.606.646	(1.012.042.080)
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(1.554.014.604)	(1.759.732.840)
Lãi thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05		(20.000.000)	(1.546.692.690)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06		(39.524.168.310)	(42.396.733.860)
Chi phí lãi vay	07		2.611.607.290	2.038.850.925
Lỗ từ công ty liên kết	08		187.558.752	10.025.671.093
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>09</b>		<b>617.491.827.650</b>	<b>509.888.381.772</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10		(79.697.036.518)	(4.747.452.261)
Biến động hàng tồn kho	11		1.991.128.695	(169.735.622.065)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12		51.405.330.552	71.282.343.851
Biến động chi phí trả trước	13		1.710.801.916	(148.437.007)
			<b>592.902.052.295</b>	<b>406.539.214.290</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.024.682.017)	(1.967.602.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(83.447.405.099)	(86.291.647.569)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(37.044.649.258)	(54.835.562.835)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>470.385.315.921</b>	<b>263.444.401.763</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(132.810.465.972)	(256.260.211.277)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.688.181.874	5.487.880.667
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		-	(1.035.537.465)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	24		2.116.867.671	5.999.720.820
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	27		90.000.000	13.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28		38.319.590.532	44.015.852.247
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(87.595.825.895)</b>	<b>(188.292.295.008)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.000.000.000	2.500.000.000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		17.840.323.555	48.180.001.906
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19.471.115.882)	(39.866.813.555)
Tiền trả cổ tức	35		(131.267.598.000)	(261.400.196.000)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(130.898.390.327)</b>	<b>(250.587.007.649)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>251.891.099.699</b>	<b>(175.434.900.894)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>467.084.218.098</b>	<b>642.519.118.992</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>718.975.317.797</b>	<b>467.084.218.098</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

**CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Phát hành cổ phiếu thường bằng thặng dư vốn và quỹ đầu tư và phát triển	-	380.134.670.000

---

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

ngày 15 tháng 3 năm 2013

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 2.764 nhân viên (31/12/2011: 2.629 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

##### **(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

##### **(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

**(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định**

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn xác định bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Nâng cấp tài sản thuê**

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 50 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo luật Việt Nam khi nguyên giá của chúng thấp hơn 10 triệu VND được phân loại như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập Đoàn.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (Tài khoản 351 – Quỹ trợ cấp mất việc làm) của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng cho dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo đó, Tập Đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này sẽ được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây phù hợp với Bộ Luật Lao động Việt Nam và VAS 18, Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, nợ dài hạn và lãi thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 34.171 triệu VND.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tất cả tài sản tài chính khác được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(ii) Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phiếu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Việc trích lập hàng năm vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(q) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(r) Doanh thu lãi tiền gửi**

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản này.

**(u) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	29.557.000.325	42.974.727.829
Tiền gửi ngân hàng	149.564.383.926	294.568.181.502
Tiền đang chuyển	5.526.281	6.072.016.414
Các khoản tương đương tiền	539.848.407.265	123.469.292.353
	<hr/> 718.975.317.797	<hr/> 467.084.218.098

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5. Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng bao gồm:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	356.765.200
Phải thu từ các bên thứ ba	449.110.288.631	340.229.001.570
	<hr/>	<hr/>
	449.467.053.831	340.585.766.770
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khách hàng không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoa hồng trả trước	37.379.455.592	57.935.895.745
Lãi tiền gửi phải thu	1.769.027.778	-
Các khoản cho vay	-	2.116.867.671
Phải thu từ người lao động	3.236.251.949	11.104.178.590
Phải thu khác	3.934.945.332	2.016.127.299
	<hr/>	<hr/>
	46.319.680.651	73.173.069.305
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	54.087.252.044	84.006.950.234
Nguyên vật liệu	185.398.402.659	183.598.965.379
Sản phẩm dở dang	24.966.649.172	39.470.249.494
Thành phẩm	248.142.138.655	204.667.633.456
Hàng hóa	5.275.516.344	7.002.598.909
Hàng gửi đi bán	-	1.114.690.097
	<hr/>	<hr/>
	517.869.958.874	519.861.087.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.028.589.133)	(4.669.661.795)
	<hr/>	<hr/>
	511.841.369.741	515.191.425.774

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.669.661.795	3.025.856.755
Tăng dự phòng trong năm	1.425.457.585	1.643.805.040
Hoàn nhập dự phòng	(66.530.247)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.028.589.133	4.669.661.795

**7. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	832.996.069	3.995.583.961
Thuế khác	1.049.555.124	112.558.850
	<hr/>	<hr/>
	1.882.551.193	4.108.142.811

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	126.517.175.786	179.007.016.121	84.843.066.505	52.863.530.304	443.230.788.716
Tăng trong năm	2.380.840.073	19.239.482.978	99.325.335	10.589.966.970	32.309.615.356
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.283.429.406	19.488.947.241	12.953.611.827	933.144.083	58.659.132.557
Thanh lý	(600.000.000)	(6.142.889.047)	(3.777.864.680)	(1.058.825.291)	(11.579.579.018)
Số dư cuối năm	153.581.445.265	211.592.557.293	94.118.138.987	63.327.816.066	522.619.957.611
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	30.112.197.918	95.605.934.725	31.934.640.990	30.247.242.410	187.900.016.043
Khấu hao trong năm	13.288.287.508	29.006.320.853	14.387.851.323	7.943.809.778	64.626.269.462
Thanh lý	(165.000.000)	(5.650.305.583)	(2.783.585.938)	(1.049.728.552)	(9.648.620.073)
Số dư cuối năm	43.235.485.426	118.961.949.995	43.538.906.375	37.141.323.636	242.877.665.432
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	96.404.977.868	83.401.081.396	52.908.425.515	22.616.287.894	255.330.772.673
Số dư cuối năm	110.345.959.839	92.630.607.298	50.579.232.612	26.186.492.430	279.742.292.179

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 97.962 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 58.893 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	103.908.193.658	53.693.912.775	5.647.619.055	163.249.725.488
Tăng trong năm	3.512.842.000	7.519.442.000	-	11.032.284.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.936.214.955	-	1.936.214.955
Phân loại lại	(3.431.705.609)	3.431.705.609	-	-
Thanh lý	(150.000.000)	(1.099.000.000)	(45.581.250)	(1.294.581.250)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>103.839.330.049</b>	<b>65.482.275.339</b>	<b>5.602.037.805</b>	<b>174.923.643.193</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	4.076.846.191	1.795.568.901	5.872.415.092
Khấu hao trong năm	-	1.178.976.344	962.435.817	2.141.412.161
Thanh lý	-	(45.791.675)	(45.581.250)	(91.372.925)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>5.210.030.860</b>	<b>2.712.423.468</b>	<b>7.922.454.328</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	103.908.193.658	49.617.066.584	3.852.050.154	157.377.310.396
Số dư cuối năm	103.839.330.049	60.272.244.479	2.889.614.337	167.001.188.865

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	46.746.407.572	7.719.996.731
Tăng trong năm	84.240.374.974	125.929.691.161
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(58.659.132.557)	(84.194.123.202)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.936.214.955)	(2.540.241.968)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(168.915.150)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.391.435.034</b>	<b>46.746.407.572</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	5.434.273.514	4.986.282.266
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	3.900.000.000	5.100.000.000
	9.334.273.514	10.086.282.266
<b>Đầu tư dài hạn khác vào</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	-	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.831.050.200	11.901.050.200

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	10.086.282.266	32.592.080.669
Thanh lý đầu tư trong năm	-	(11.953.307.310)
Lỗ thuần từ các công ty liên kết	(187.558.752)	(10.025.671.093)
Cổ tức	(564.450.000)	(526.820.000)
	9.334.273.514	10.086.282.266

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Tào Vinh Hào	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.599.855.707	1.798.393.813	47.920.665	20.446.170.185
Tăng trong năm	-	-	153.057.818	153.057.818
Phân bổ trong năm	(441.027.565)	(733.474.069)	(77.225.197)	(1.251.726.831)
Số dư cuối năm	18.158.828.142	1.064.919.744	123.753.286	19.347.501.172

## 13. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ nhân viên của Tập đoàn (*)	19.484.808.997	21.115.601.324

(\*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 0,9% đến 1,1% (2011: từ 1,10% đến 1,15%) trong năm.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**14. Các khoản phải trả người bán**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả các công ty liên kết	-	2.024.000.000
Phải trả các bên thứ ba	73.733.794.359	121.594.564.257
	<hr/>	<hr/>
	73.733.794.359	123.618.564.257
	<hr/>	<hr/>

**15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	9.613.137.679	2.353.466.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.469.400.198	9.253.439.110
Thuế thu nhập cá nhân	7.437.163.434	16.267.959.957
Các loại thuế khác	-	422.759.814
	<hr/>	<hr/>
	33.519.701.311	28.297.625.312
	<hr/>	<hr/>

**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giảm giá hàng bán	119.221.818.493	108.460.753.247
Chi phí khuyến mại	88.386.427.469	45.510.216.128
Chi phí hội thảo	16.925.732.519	1.923.656.378
Chi phí quảng cáo	5.520.924.677	174.805.673
Lãi vay phải trả	980.410.624	393.485.351
Các chi phí phải trả khác	10.978.885.918	9.468.125.461
	<hr/>	<hr/>
	242.014.199.700	165.931.042.238
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông thường niên của Tập đoàn. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	42.417.569.574	2.130.130.038	44.547.699.612
Trích quỹ	43.109.274.016	8.904.793.271	52.014.067.287
Sử dụng quỹ	(25.652.611.339)	(8.249.834.847)	(33.902.446.186)
Số dư cuối năm	59.874.232.251	2.785.088.462	62.659.320.713

**18. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	33.818.985.521
Dự phòng lập trong năm	105.960.018
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.586.214.391)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(29.338.731.148)
Số dư cuối năm	-

Trong năm Tập đoàn áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Do áp dụng Thông tư 180, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập khác trong năm 2012.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng VND2.708 triệu VND (2011: 1.887 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	24.405.312.797
Sử dụng quỹ trong năm	(3.142.203.072)
	<hr/>
Số dư cuối năm	21.263.109.725

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng	380.134.670.000	(378.761.392.824)	-	(1.373.277.176)	-	-	-
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	83.427.883.317	2.326.208.730	(85.754.092.047)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(45.937.137.077)	(45.937.137.077)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.199.508.489)	(10.199.508.489)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	415.526.579.901	415.526.579.901
Cổ tức	-	-	-	-	-	(260.665.196.000)	(260.665.196.000)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	651.764.290.000	-	(455.850.000)	286.384.048.884	66.541.621.663	377.312.752.928	1.381.546.863.475
Phát hành cổ phiếu	2.000.000.000	-	-	-	-	-	2.000.000.000
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	204.753.118.379	220.422.972	(204.973.541.351)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(42.473.937.214)	(42.473.937.214)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(8.742.863.670)	(8.742.863.670)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	485.921.786.675	485.921.786.675
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(130.532.598.000)	(130.532.598.000)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	653.764.290.000	-	(455.850.000)	491.137.167.263	66.762.044.635	476.511.599.368	1.687.719.251.266

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.376.429	653.764.290.000	65.176.429	651.764.290.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành</b>	<b>65.366.299</b>	<b>653.308.440.000</b>	<b>65.166.299</b>	<b>651.308.440.000</b>

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	200.000	2.000.000.000	250.000	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	38.013.467	380.134.670.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>65.366.299</b>	<b>653.308.440.000</b>	<b>65.166.299</b>	<b>651.308.440.000</b>

**22. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	11.911.380.319	8.716.245.431
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	5.371.014.333	4.235.578.682
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(635.336.802)	(217.298.666)
Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	(161.929.601)	(88.145.128)
Cổ tức	(735.000.000)	(735.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.750.128.249</b>	<b>11.911.380.319</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**23. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	2.721.921.636.997	2.324.656.400.216
▪ Hàng hóa đã bán	113.195.695.133	99.353.230.052
▪ Cung cấp dịch vụ	17.323.928.221	8.509.276.377
▪ Hàng khuyến mại	96.845.211.197	78.306.239.283
	<hr/> 2.949.286.471.548	<hr/> 2.510.825.145.928
Các khoản giảm trừ		
▪ Chiết khấu thương mại	(637.716.080)	(338.267.075)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.572.263.020)	(19.606.943.121)
	<hr/> (18.209.979.100)	<hr/> (19.945.210.196)
Doanh thu thuần	<hr/> 2.931.076.492.448	<hr/> 2.490.879.935.732
Trong đó:		
▪ Thành phẩm đã bán	2.704.231.508.811	2.304.711.190.020
▪ Hàng hóa đã bán	112.709.143.829	99.353.230.052
▪ Cung cấp dịch vụ	17.323.928.221	8.509.276.377
▪ Hàng khuyến mại	96.811.911.587	78.306.239.283
	<hr/> 2.931.076.492.448	<hr/> 2.490.879.935.732

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	1.275.840.155.247	1.109.249.378.574
Hàng hóa đã bán	104.872.250.892	87.956.779.109
Chi phí dịch vụ	14.668.590.756	7.102.057.130
Hàng khuyến mại	90.537.912.385	76.164.990.852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.358.927.338	1.643.805.040
	<hr/> 1.487.277.836.618	<hr/> 1.282.117.010.705

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	39.102.635.155	41.907.995.760
Cổ tức	421.533.155	488.738.100
Lãi từ thanh lý công ty liên kết	20.000.000	1.546.692.690
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.001.753.137	4.951.709.656
Doanh thu hoạt động tài chính khác	631.498.634	-
	<hr/> 42.177.420.081	<hr/> 48.895.136.206

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.611.607.290	2.038.850.925
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.709.118.220	5.000.720.822
Chi phí tài chính khác	132.308.093	143.115.990
	<hr/> 4.453.033.603	<hr/> 7.182.687.737

**27. Thu nhập khác**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	819.360.195	570.030.518
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.688.181.874	5.487.880.667
Dự phòng trợ cấp thôi việc hoàn nhập trong năm	29.169.045.202	-
Thu nhập khác	4.948.240.745	3.876.274.378
	<hr/> 39.624.828.016	<hr/> 9.934.185.563

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**28. Chi phí khác**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	3.134.167.270	3.728.147.827
Chi phí sửa chữa và thay thế tài sản hư hỏng	202.473.500	7.073.639.168
Chi phí khác	5.007.494.012	4.589.303.410
	<hr/> 8.344.134.782	<hr/> 15.391.090.405

**29. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên những khoản mục như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Các khoản dự phòng	3.300.000.000	3.300.000.000
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.540.892.665	2.209.693.831
	<hr/> 5.840.892.665	<hr/> 5.509.693.831

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện tại	124.444.239.422	72.071.027.668
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(30.618.285.343)	832.752.218
	<hr/> 93.825.954.079	<hr/> 72.903.779.886
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(331.198.834)	(1.724.228.543)
	<hr/> 93.494.755.245	<hr/> 71.179.551.343

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	584.787.556.253	490.941.709.926
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	146.196.889.063	122.735.427.482
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.249.695.838	3.330.264.667
Thu nhập không bị tính thuế	(105.383.289)	(122.184.525)
Ưu đãi thuế	(34.228.161.024)	(55.596.708.499)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(30.618.285.343)	832.752.218
Chi phí thuế thu nhập	93.494.755.245	71.179.551.343

**(d) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2014 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

**Các công ty con**

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG (“In Bao bì DHG”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, In Bao bì DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của In Bao bì DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

**Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT (“Dược phẩm HT”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm HT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm HT cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“Dược liệu DHG”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược liệu DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược liệu DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

**Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST (“Dược phẩm ST”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm ST có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm ST cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

**Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu (“Dược Sông Hậu”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược Sông Hậu cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	485.921.786.675	415.526.579.901

**(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành**

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	65.166.299	26.902.832
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 năm 2011	-	188.356
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành tháng 8 năm 2011	-	38.013.467
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5 năm 2012	121.644	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	65.287.943	65.104.655

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

### **31. Cổ tức**

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 26 tháng 4 năm 2012 quyết định chia cổ tức của năm 2011 là 130.331 triệu VND bằng tiền mặt, trong đó bao gồm cổ tức giữa niên độ là 65.165 triệu VND đã trả trong năm 2011 (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 17 tháng 11 năm 2011) và cổ tức cuối năm là 65.166 triệu VND (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 8 tháng 6 năm 2012). Ngoài ra, cuộc họp Hội đồng Quản trị vào ngày 19 tháng 10 năm 2012 quyết định chia cổ tức giữa niên độ cho năm 2012 là 65.366 triệu VND (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 7 tháng 11 năm 2012).

### **32. Các công cụ tài chính**

#### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

##### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

##### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

#### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay phải thu, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(ii)	689.418.317.472	424.109.490.269
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	490.057.533.067	410.906.313.968
		<hr/>	<hr/>
		1.179.475.850.539	835.015.804.237

**(ii) Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng**

Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Dựa trên tỷ lệ nợ xấu trong quá khứ, Tập đoàn tin rằng ngoài số dự phòng phải đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu:

	<b>Gộp 31/12/2012 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND</b>
Trong hạn	306.616.482.627	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	98.546.072.567	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	82.662.603.693	(2.675.775.037)
Quá hạn trên 180 ngày	7.961.575.595	(3.053.426.378)
	495.786.734.482	(5.729.201.415)

	<b>Gộp 31/12/2011 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND</b>
Trong hạn	303.030.205.476	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	56.692.003.025	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	48.849.537.858	-
Quá hạn trên 180 ngày	5.187.089.716	(2.852.522.107)
	413.758.836.075	(2.852.522.107)

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Số dư đầu năm	2.852.522.107	6.225.376.152
Tăng dự phòng trong năm	3.276.127.874	392.832.822
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(717.006.925)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(399.448.566)	(3.048.679.942)
	5.729.201.415	2.852.522.107

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả khách hàng	73.733.794.359	73.733.794.359	73.733.794.359
Vay ngắn hạn	19.484.808.997	20.018.033.043	20.018.033.043
Phải trả người lao động	157.300.094.036	157.300.094.036	157.300.094.036
Chi phí phải trả	242.014.199.700	242.014.199.700	242.014.199.700
Các khoản phải trả khác	63.583.567.645	63.583.567.645	63.583.567.645
	556.116.464.737	556.649.688.783	556.649.688.783

**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả khách hàng	123.618.564.257	123.618.564.257	123.618.564.257
Vay ngắn hạn	21.115.601.324	21.830.148.358	21.830.148.358
Phải trả người lao động	125.958.570.389	125.958.570.389	125.958.570.389
Chi phí phải trả	165.931.042.238	165.931.042.238	165.931.042.238
Các khoản phải trả khác	33.834.092.563	33.834.092.563	33.834.092.563
	470.457.870.771	471.172.417.805	471.172.417.805

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euros (EUR).

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tập đoàn có các tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.684	131.696	271.766	182.918
Phải thu khách hàng	325.301	22.644	91.257	-
Phải trả người bán	(2.107.460)	(138.354)	(3.336.160)	(87.659)
	(1.672.475)	15.986	(2.973.137)	95.259

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
USD 1	20.855	21.036
EUR 1	27.755	27.670

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	
USD (tăng 1%)	(261.595.994)
EUR (tăng 1%)	3.327.686
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	
USD (tăng 1%)	(469.071.824)
EUR (tăng 1%)	19.768.624

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2012 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	539.848.407.265	123.469.292.353
Vay ngắn hạn	(19.484.808.997)	(21.115.601.324)
	<hr/>	<hr/>
	520.363.598.268	102.353.691.029
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	149.564.383.926	294.568.181.501
	<hr/>	<hr/>
	149.564.383.926	294.568.181.501
	<hr/>	<hr/>

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi của Tập đoàn chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm về lãi suất cơ bản không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

**(e) Giá trị hợp lý**

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Các bên liên quan**

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các cán bộ điều hành.

**Giao dịch chủ yếu với các công ty liên kết**

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	518.910.500
<b>Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo</b>		
Mua nguyên vật liệu	(9.693.200.000)	11.863.000.000
Phí gia công	564.450.000	526.820.000

**Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lương	5.057.725.900	2.207.133.462
Thù lao	2.392.000.000	4.120.000.000
Thưởng	925.000.000	1.877.631.912
	<b>8.374.725.900</b>	<b>8.204.765.374</b>



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**34. Cam kết**

**(i) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	693.655.841.444	698.955.443.787
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	120.853.848.501	17.697.277.500
	<hr/> 814.509.689.945	<hr/> 716.652.721.287

**(ii) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu đối với các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.303.473.909	1.109.637.000
Từ hai đến năm năm	490.055.000	858.500.000
	<hr/> 3.793.528.909	<hr/> 1.968.137.000

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.276.843.237.344	1.243.906.349.046
Chi phí nhân công	663.598.533.630	584.526.314.132
Chi phí khấu hao	66.767.681.623	53.597.351.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.377.678.727	305.673.366.751
Các chi phí khác	121.331.970.871	96.739.906.184
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Công ty đã ký kết hợp đồng với Mega Lifesciences Limited (“Bên mua”) vào ngày 12 tháng 12 năm 2012 về việc chuyển giao thương hiệu sản phẩm Eugica cho Bên mua. Theo hợp đồng chuyển giao, Bên mua sở hữu thương hiệu sản phẩm đã đăng ký Eugica và quyền kinh doanh thương mại sản phẩm ở thị trường trong nước và nước ngoài. Hợp đồng này cũng đề cập Công ty được phép tiếp tục sản xuất sản phẩm Eugica cho Bên mua. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2013.

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

ngày 15 tháng 3 năm 2013

